

Tăng tỷ trọng

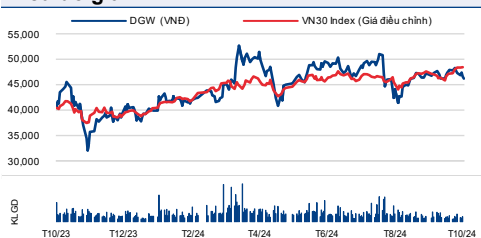
Giá mục tiêu: VNĐ56,077

Tiềm năng tăng/giảm: 21.4%

Giá cổ phiếu (đồng) (3/10/2024)	46,200
Mã Bloomberg	DGW VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	32,080-52,640
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	46,763
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	10,030
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	405
Slg CP lưu hành (tr.đv)	217
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	81.8
Slg CP NN được mua (tr.đv)	40.4
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	24.8%
Tỷ lệ freefloat	55.6%
Cổ đông lớn	Created Future (32.0%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
DT thuần (tỷ đồng)	18,817	22,569	24,944
EBITDA đc (tỷ đồng)	498	652	780
LNTT (tỷ đồng)	471	592	740
LNT ĐC (tỷ đồng)	354	461	576
FCF (tỷ đồng)	538	1,074	603
EPS ĐC (đồng)	1,642	2,101	2,594
DPS (đồng)	385	769	769
BVPS (đồng)	11,947	13,217	14,962
T.trường EBITDA (%)	(44.3)	30.8	19.7
T.trường EPS ĐC (%)	(49.1)	28.0	23.4
Tăng trưởng DPS (%)	(50.0)	100	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	2.65	2.89	3.13
Tỷ suất LNTT (%)	2.50	2.62	2.97
Tỷ suất LNT ĐC (%)	1.88	2.04	2.31
Tỷ lệ LN trả CT (%)	23.4	36.6	29.7
Nợ thuần/VCSH (%)	39.1	1.91	(13.4)
ROAE (%)	14.2	16.7	18.5
ROACE (%)	18.1	22.0	23.4
EV/doanh thu (lần)	0.58	0.45	0.39
EV/EBITDA ĐC (lần)	21.9	15.4	12.4
P/E ĐC (lần)	28.1	22.0	17.8
P/B (lần)	3.87	3.50	3.09
Lợi suất cổ tức (%)	0.83	1.67	1.67

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

DGW là nhà cung cấp dịch vụ mở rộng thị trường cho các công ty công nghệ và hàng tiêu dùng. Các mảng kinh doanh chính: điện thoại di động, máy tính xách tay và máy tính bảng, thiết bị văn phòng, hàng tiêu dùng và chăm sóc sức khỏe.

Chuyên viên phân tích

Trần Đăng Mạnh

Chuyên viên

manh.tdang@hsc.com.vn

+84 28 3823 3299 Ext. 369

Trần Hương Mỹ

Giám Đốc, Ngành Hàng Tiêu Dùng

my.th@hsc.com.vn

+84 28 3823 3299 Ext. 362

Q3/2024: Lợi nhuận thuần dự kiến tăng 9% so với cùng kỳ

- HSC dự báo KQKD Q3/2024 của DGW đạt 112 tỷ đồng lợi nhuận thuần (tăng 9% so với cùng kỳ, nhờ tỷ suất lợi nhuận tăng khiêm tốn so với quý trước), trên doanh thu thuần 6,2 nghìn tỷ đồng (tăng 14% so với cùng kỳ nhờ doanh thu điện thoại di động và thiết bị văn phòng tăng mạnh).
- Lũy kế 9 tháng đầu năm 2024, doanh thu và lợi nhuận thuần được dự báo đạt lần lượt 16,2 nghìn tỷ đồng (tăng 16% so với cùng kỳ) và 294 tỷ đồng (tăng 11% so với cùng kỳ), hoàn thành 72% và 64% dự báo cho cả năm 2024 của HSC – thấp hơn một chút so với dự báo.
- Sau khi giá cổ phiếu giảm lần lượt 2%/5% trong 1 tháng/3 tháng qua, DGW diễn biến kém tích cực hơn VN Index và các đối thủ cạnh tranh chính. Chúng tôi đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

Sự kiện: Đánh giá KQKD Q3/2024

HSC dự báo DGW sẽ ghi nhận KQKD Q3/2024 với lợi nhuận thuần đạt 112 tỷ đồng (cao nhất kể từ Q1/2023), tăng 9% so với cùng kỳ nhưng thấp hơn dự báo trước đó của chúng tôi ở mức 126 tỷ đồng, trên doanh thu thuần 6.165 tỷ đồng, tăng 14% so với cùng kỳ. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần và lợi nhuận thuần được dự báo đạt lần lượt 16.158 tỷ đồng (tăng 16% so với cùng kỳ) và 294 tỷ đồng (tăng 11% so với cùng kỳ), hoàn thành 72% và 64% dự báo cho cả năm 2024 của HSC – thấp hơn một chút so với dự báo.

Doanh thu sản phẩm CNTT-TT: Cao hơn 2% so với dự báo, nhờ doanh thu điện thoại di động tăng

Doanh thu sản phẩm CNTT-TT Q3/2024 được dự báo tăng 12% so với cùng kỳ và 23% so với quý trước, nhờ KQKD vững chắc của phân khúc sản phẩm điện thoại di động và máy tính xách tay/máy tính bảng. Chi tiết như sau:

- Doanh thu điện thoại di động được dự báo đạt 2.270 tỷ đồng, tăng 28% so với cùng kỳ và 2% so với quý trước, nhờ giành thêm thị phần cho các sản phẩm của Xiaomi (tỷ lệ giá/chất lượng hấp dẫn) và Apple (ra mắt sản phẩm mới – iPhone 16 vào cuối tháng 9/2024). Do đó, chúng tôi dự báo doanh thu sản phẩm Xiaomi tăng mạnh 40% so với cùng kỳ (so với mức nền thấp của Q3/2023), trong khi doanh thu iPhone tăng 19% so với cùng kỳ, nhờ iPhone 16 về đến thị trường Việt Nam sớm hơn 2 ngày so với năm ngoài và có đủ nguồn cung hơn trong bối cảnh sức tiêu thụ chậm hơn tại thị trường Trung Quốc.
- Doanh thu máy tính xách tay được dự báo đạt mức cao nhất trong 8 quý vừa qua với 2.400 tỷ đồng, nhưng gần như không đổi so với cùng kỳ (Q3/2022 đạt 2.475 tỷ đồng) và tăng 53% so với quý trước, chủ yếu nhờ nhu cầu tăng vào mùa tựu trường, sự ra mắt dòng máy tính xách tay tích hợp AI, cũng như sự bắt đầu của chu kỳ thay thế máy tính xách tay được mua trong đại dịch COVID-19.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 4/10.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Ước tính lợi nhuận Q3/2024, DGW

Theo ước tính của HSC, lợi nhuận thuần Q3/2024 sẽ tăng 9% so với cùng kỳ & tăng 25% so với quý trước

Tỷ đồng	Q3/24F	% so với cùng kỳ	% so với quý trước	9T2024F	% so với cùng kỳ	2024F	% 2024 HSC dự báo
Doanh thu thuần	6,165	14%	23%	16,158	16%	22,569	72%
Lợi nhuận thuần	112	9%	25%	294	11%	461	64%

Nguồn: DGW, HSC ước tính

Doanh thu sản phẩm phi CNTT-TT: Cao hơn 5% so với dự báo, nhờ HĐKD thiết bị văn phòng tăng mạnh

Doanh thu sản phẩm phi CNTT-TT được dự báo đạt 1.495 tỷ đồng, tăng 20% so với cùng kỳ và 23% so với quý trước và cao hơn 5% so với dự báo trước đó của chúng tôi, chủ yếu nhờ doanh thu thiết bị văn phòng tăng mạnh. Chi tiết như sau:

- Doanh thu thiết bị văn phòng được dự báo đạt 1.100 tỷ đồng (tăng 21% so với cùng kỳ và 28% so với quý trước), cao hơn 10% so với dự báo trước đó của chúng tôi ở mức 1.000 tỷ đồng.
- Doanh thu điện máy được dự báo tăng mạnh 32% so với cùng kỳ và 8% so với quý trước, đạt 215 tỷ đồng, thấp hơn dự báo trước đó của chúng tôi ở mức 250 tỷ đồng, chủ yếu do trì hoãn phân phối tủ lạnh và máy lạnh của Xiaomi (có thể sẽ được triển khai trong Q1/2025).
- Doanh thu hàng tiêu dùng dự kiến đạt mức khả quan, ở mức 180 tỷ đồng, tăng 5% so với cùng kỳ và 11% so với quý trước.

Tỷ suất lợi nhuận thuần tăng khiêm tốn so với quý trước

HSC dự báo tỷ suất lợi nhuận thuần Q3/2024 của DGW cải thiện lên 1,82% (từ 1,78% trong Q2/2024), nhưng vẫn thấp hơn một chút so với mức 1,86% của Q3/2023 và 1,85% của Q1/2024. Dường như DGW đang nỗ lực cân bằng giữa lợi nhuận thuần ngắn hạn và việc mở rộng thị phần, vốn đóng vai trò rất quan trọng cho mục tiêu tăng trưởng dài hạn, đặc biệt với phân khúc sản phẩm phi CNTT-TT.

Xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu

Giá cổ phiếu DGW giảm lần lượt 2%/5% trong 1 tháng/3 tháng qua – và diễn biến kém tích cực hơn VN Index và các đối thủ cạnh tranh chính – mặc dù Công ty ghi nhận KQKD khá vững chắc và thị phần được mở rộng trong 9 tháng đầu năm 2024. Quả thực, HSC nhận thấy yếu tố rủi ro-lợi nhuận của DGW đang cải thiện. Chúng tôi đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

Bảng 2: Ước tính doanh thu theo mảng kinh doanh, DGW

Tỷ đồng	Q3/23	Q3/24F Cũ	Q3/24F Mới	% so với cùng kỳ	Điều chỉnh	Q2/24	% so với quý trước	9T2023	9T2024F	% so với cùng kỳ
Mảng CNTT	4,172	4,570	4,670	12%	2%	3,789	23%	10,697	12,040	13%
Điện thoại di động	1,774	2,100	2,270	28%	8%	2,221	2%	5,863	6,933	18%
Laptop & MT bảng	2,398	2,470	2,400	0%	-3%	1,568	53%	4,834	5,107	6%
Mảng ngoài CNTT	1,241	1,430	1,495	20%	5%	1,219	23%	3,272	4,118	26%
Thiết bị văn phòng	907	1,000	1,100	21%	10%	858	28%	2,317	2,968	28%
Thiết bị gia dụng	163	250	215	32%	-14%	200	8%	494	624	26%
Hàng tiêu dùng	171	180	180	5%	0%	162	11%	461	526	14%
Tổng doanh thu thuần	5,413	6,000	6,165	14%	3%	5,008	23%	13,969	16,158	16%

Nguồn: DGW, HSC ước tính

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Doanh thu	22,028	18,817	22,569	24,944	27,125
Lợi nhuận gộp	1,663	1,559	1,906	2,147	2,383
Chi phí BH&QL	(858)	(1,142)	(1,344)	(1,463)	(1,560)
Thu nhập khác	82.7	47.0	56.4	62.3	67.8
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	888	464	618	746	891
Lãi vay thuần	(36.3)	(116)	(84.7)	(88.6)	(102)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	(1.83)	(4.31)	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	13.0	126	58.9	82.6	89.8
LNTT	862	471	592	740	878
Chi phí thuế TNDN	(179)	(108)	(119)	(148)	(176)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0.18	(8.20)	(12.5)	(15.4)	(18.1)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	684	354	461	576	684
Lợi nhuận thuần ĐC	684	354	461	576	684
EBITDA ĐC	894	498	652	780	924
EPS (đồng)	3,225	1,642	2,101	2,594	3,041
EPS ĐC (đồng)	3,225	1,642	2,101	2,594	3,041
DPS (đồng)	769	385	769	769	769
Slg CP bình quân (triệu đv)	212	216	219	222	225
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	212	217	220	223	226
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	212	217	220	223	226

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tiền & tương đương tiền	828	1,450	1,862	2,588	3,336
Đầu tư ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu khách hàng	1,496	1,982	2,031	1,996	2,170
Hàng tồn kho	3,254	3,003	3,035	3,315	3,560
Các tài sản ngắn hạn khác	204	407	227	255	281
Tổng tài sản ngắn hạn	5,782	6,842	7,155	8,154	9,347
TSCĐ hữu hình	32.3	38.3	38.4	38.3	37.9
TSCĐ vô hình	63.4	92.8	91.4	90.0	88.4
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	8.54	0	0	0	0
Đầu tư vào Cty LD,LK	8.54	19.1	19.1	19.1	19.1
Tài sản dài hạn khác	460	509	435	408	380
Tổng tài sản dài hạn	573	659	584	555	526
Tổng cộng tài sản	6,355	7,501	7,739	8,709	9,872
Nợ ngắn hạn	1,915	2,321	1,746	1,951	2,274
Phải trả người bán	1,210	1,557	2,036	2,250	2,447
Nợ ngắn hạn khác	622	810	790	881	958
Tổng nợ ngắn hạn	3,882	4,858	4,770	5,297	5,910
Nợ dài hạn	41.1	5.50	5.50	5.50	5.50
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	2.91	2.91	2.91	2.91	2.91
Nợ dài hạn khác	5.86	7.77	7.77	7.77	7.77
Tổng nợ dài hạn	49.9	16.2	16.2	16.2	16.2
Tổng nợ phải trả	3,932	4,874	4,786	5,313	5,926
Vốn chủ sở hữu	2,394	2,595	2,908	3,335	3,868
Lợi ích cổ đông thiểu số	28.9	32.5	45.0	60.4	78.5
Tổng vốn chủ sở hữu	2,423	2,627	2,953	3,395	3,946
Tổng nợ phải trả và VCSH	6,355	7,501	7,739	8,709	9,872
BVPS (đ)	11,294	11,947	13,217	14,962	17,132
Nợ thuần/(tiền mặt)	1,128	877	(111)	(631)	(1,056)

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
EBIT	888	464	618	746	891
Khấu hao	(6.29)	(33.8)	(33.8)	(33.8)	(33.8)
Lãi vay thuần	(36.3)	(116)	(84.7)	(88.6)	(102)
Thuế TNDN đã nộp	(212)	(100)	(119)	(148)	(176)
Thay đổi vốn lưu động	(1,970)	316	586	48.8	(154)
Khác	149	(30.1)	30.6	17.8	20.4
LCT thuần từ HKKD	(1,176)	568	1,065	610	512
Đầu tư TS dài hạn	(13.2)	(29.9)	9.03	(6.29)	(6.73)
Góp vốn & đầu tư	(300)	(201)	0	0	0
Thanh lý	0	38.5	0	0	0
Khác	52.6	75.3	60.4	66.4	71.8
LCT thuần từ HĐĐT	(260)	(117)	69.5	60.1	65.1
Cổ tức trả cho CSH	(90.6)	(167)	(169)	(171)	(174)
Thu từ phát hành CP	22.0	39.8	22.1	22.0	22.0
Tăng/giảm nợ	838	299	(575)	205	323
Khác	-	-	-	-	-
LCT thuần từ HĐTC	770	171	(722)	55.7	171
Tiền & tương đương tiền đầu kì	1,494	828	1,450	1,862	2,588
LCT thuần trong kỳ	(667)	623	412	725	748
Ảnh hưởng của tỷ giá	(0.00)	0	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	828	1,450	1,862	2,588	3,336
Dòng tiền tự do	(1,189)	538	1,074	603	506

Các chỉ số tài chính	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	7.55	8.29	8.44	8.61	8.78
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	4.06	2.65	2.89	3.13	3.41
Tỷ suất LNT (%)	3.10	1.88	2.04	2.31	2.52
Thuế TNDN hiện hành (%)	20.7	22.9	20.0	20.0	20.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	5.04	(14.6)	19.9	10.5	8.74
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	15.5	(44.3)	30.8	19.7	18.5
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	4.01	(48.2)	30.0	25.1	18.7
Tăng trưởng EPS (%)	1.49	(49.1)	28.0	23.4	17.2
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	1.49	(49.1)	28.0	23.4	17.2
Tăng trưởng DPS (%)	0	(50.0)	100	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	23.8	23.4	36.6	29.7	25.3
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	32.7	14.2	16.7	18.5	19.0
ROACE (%)	41.6	18.1	22.0	23.4	24.2
Vòng quay tài sản (lần)	3.41	2.72	2.96	3.03	2.92
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	(1.33)	1.22	1.72	0.82	0.58
Số ngày tồn kho	58.3	63.5	53.6	53.1	52.5
Số ngày phải thu	26.8	41.9	35.9	31.9	32.0
Số ngày phải trả	21.7	32.9	36.0	36.0	36.1
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	51.1	39.1	1.91	(13.4)	(22.2)
Nợ/tài sản (%)	32.3	32.9	24.8	24.6	25.1
EBIT/lãi vay (lần)	24.4	4.01	7.30	8.42	8.74
Nợ/EBITDA (lần)	2.30	4.95	2.94	2.74	2.68
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.49	1.41	1.50	1.54	1.58
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.50	0.58	0.45	0.39	0.35
EV/EBITDA ĐC (lần)	12.2	21.9	15.4	12.4	10.1
P/E (lần)	14.3	28.1	22.0	17.8	15.2
P/E ĐC (lần)	14.3	28.1	22.0	17.8	15.2
P/B (lần)	4.09	3.87	3.50	3.09	2.70
Lợi suất cổ tức (%)	1.67	0.83	1.67	1.67	1.67

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn